

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 87,900 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | | 57.5% | 90.7% |

| | |
|-----------------------|-------------|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 10,705 |
| Số lượng CPLH (CP) | 121,783,042 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 1,132,500 |
| Sở hữu nước ngoài | 9.4% |
| Beta | 1.27 |
| EPS | 2,980 |
| P/E | 29.5 |

DT thuần

Q1/24

4,674

tỷ VNĐ

QoQ: ▼433| -8.5%

YoY: ▼98.0| -2.1%

LN trước thuế

Q1/24

73.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼58.4| -44.3%

YoY: ▼21.2| -22.4%

LN sau thuế

Q1/24

58.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼45.5| -43.8%

YoY: ▼17.2| -22.8%

ROA

2023

6.2%

+/- YoY: ▲ 1.6%

DT thuần

2023

19,588

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,041| -9.4%

LN trước thuế

2023

478

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 155| 47.9%

LN sau thuế

2023

380

tỷ VNĐ

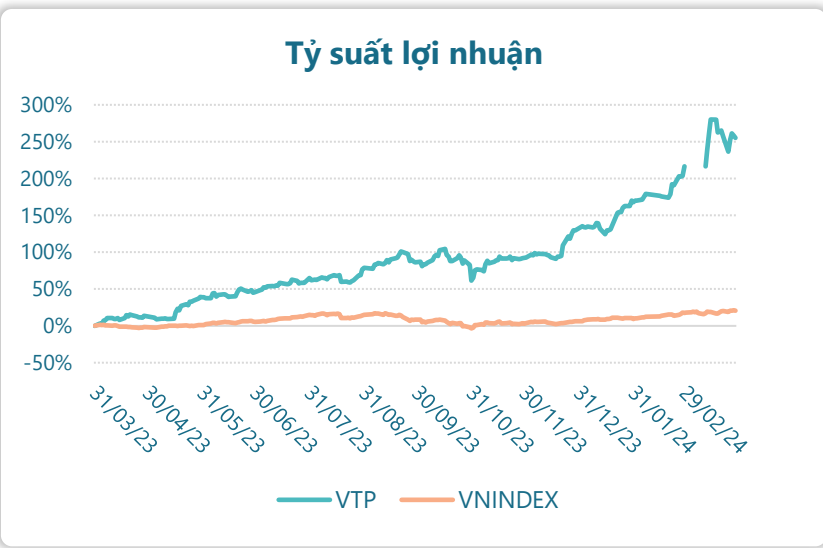
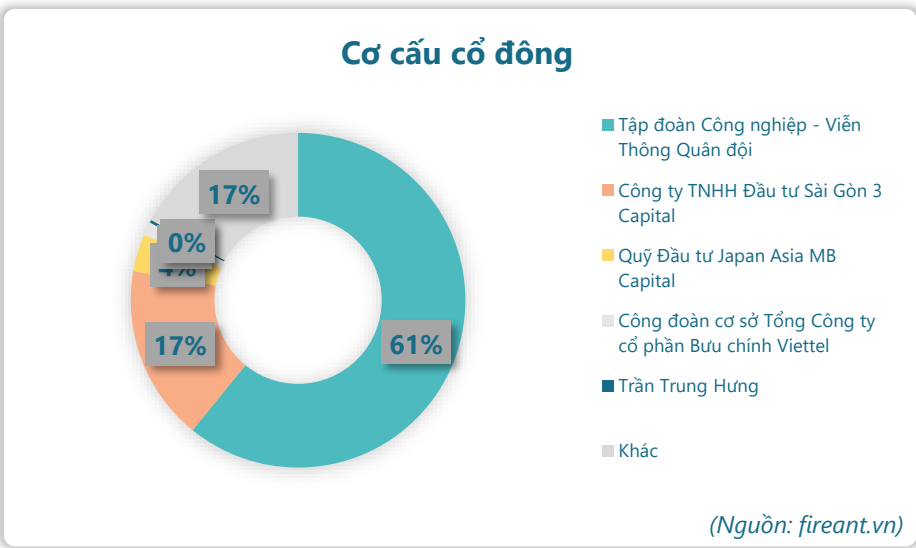
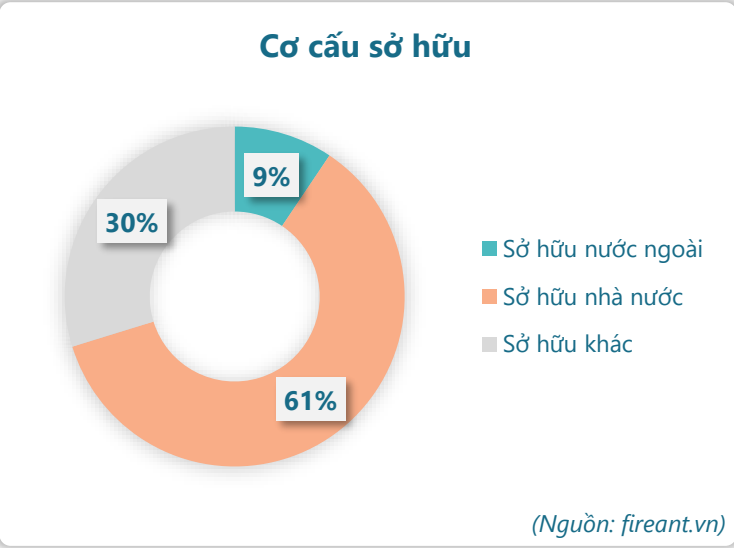
YoY: ▲ 123| 48.0%

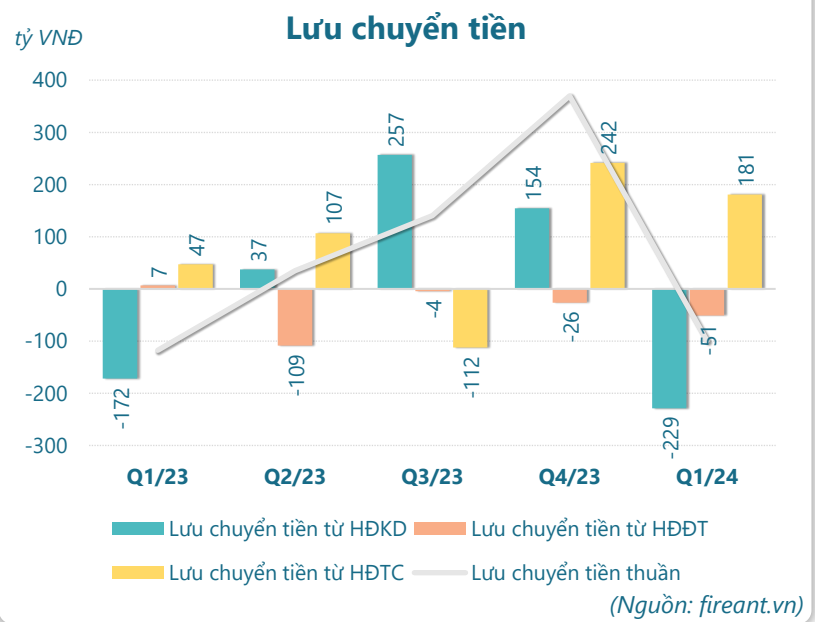
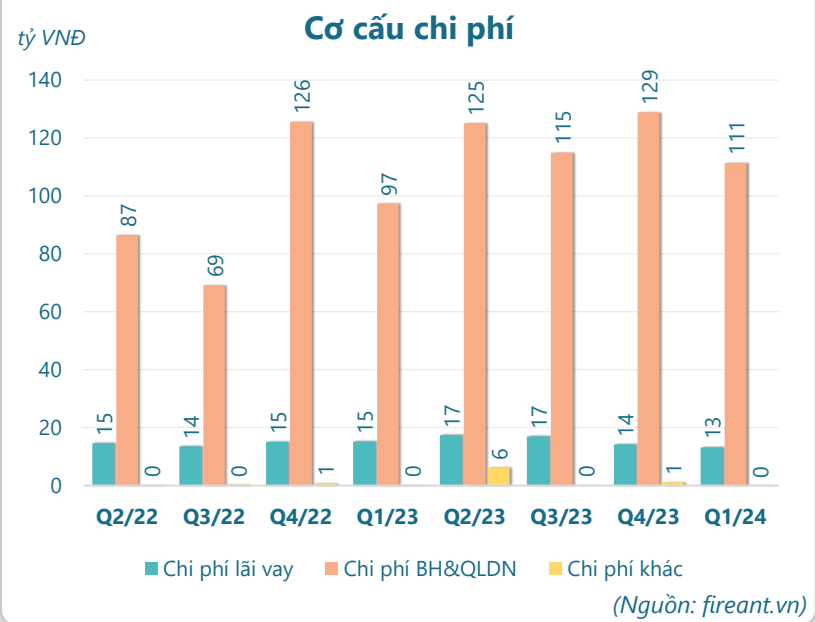
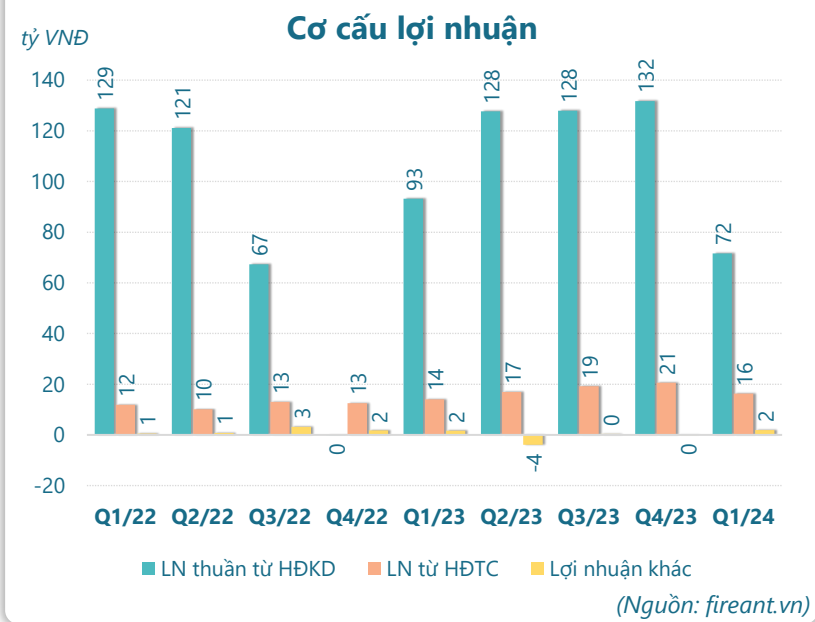
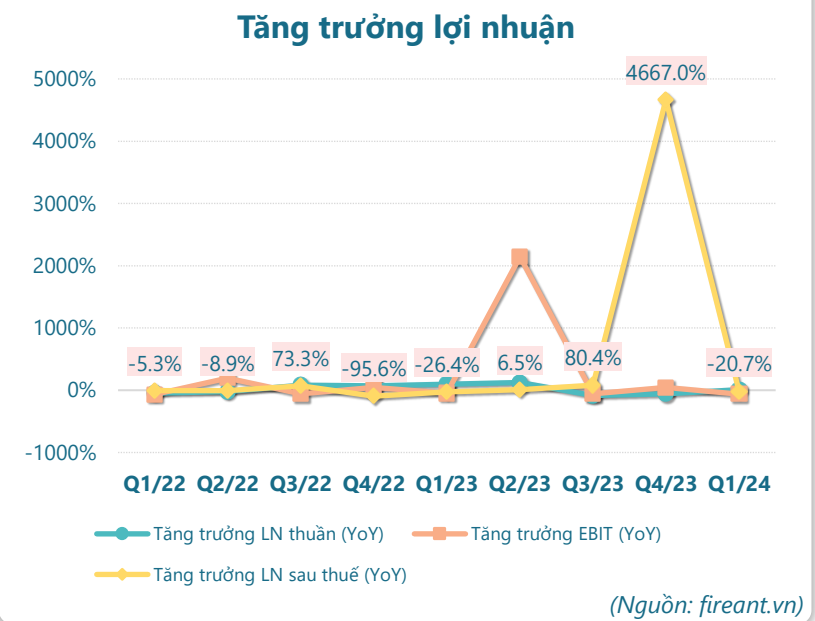
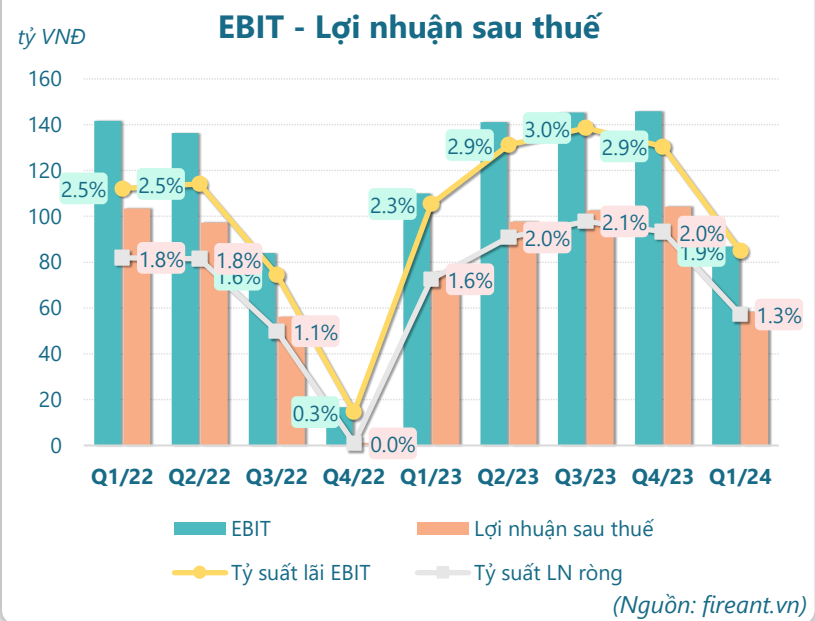
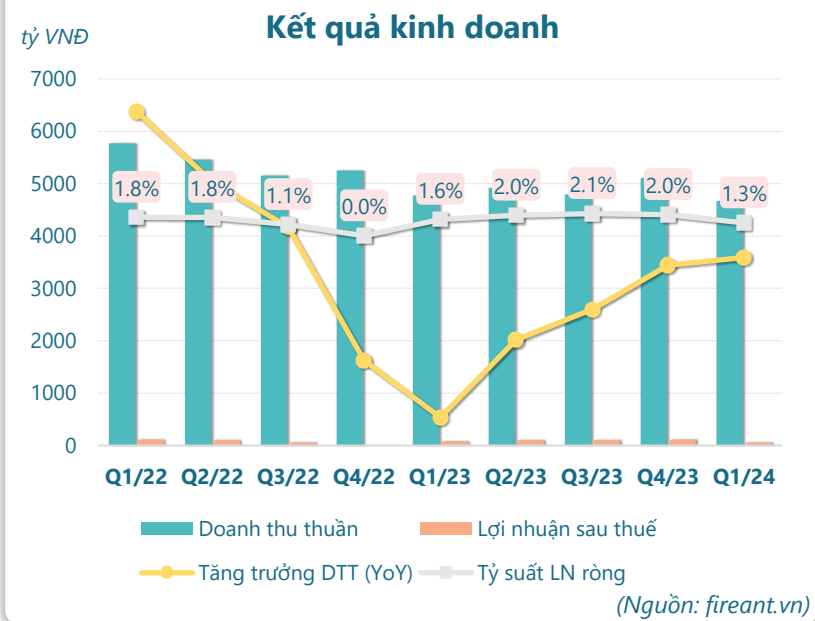
ROE

2023

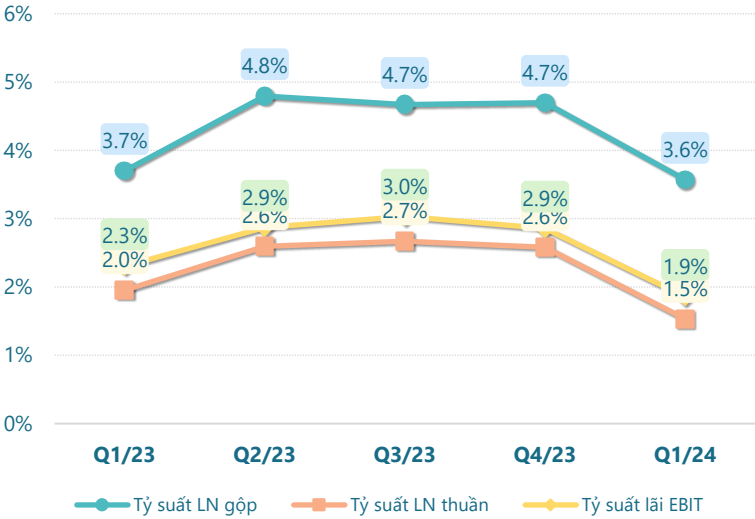
25.6%

+/- YoY: ▲ 6.7%



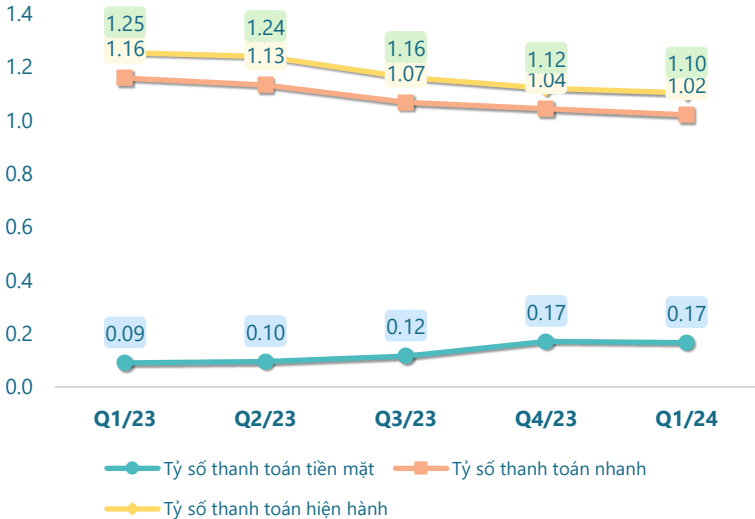


Tỷ suất lợi nhuận



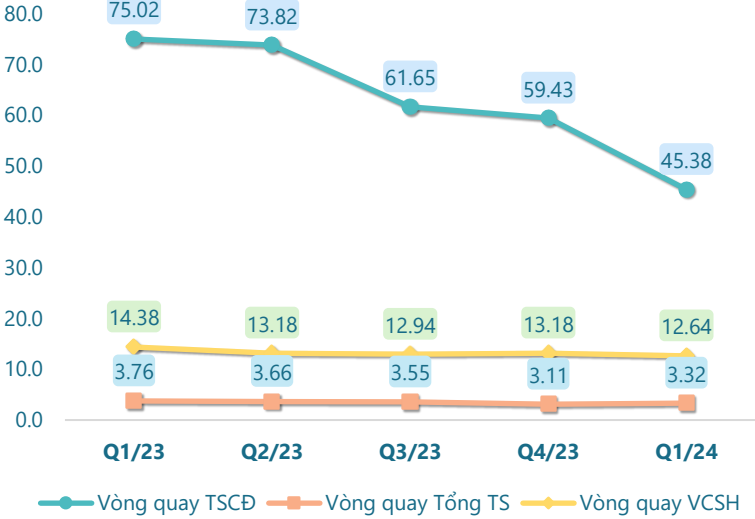
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



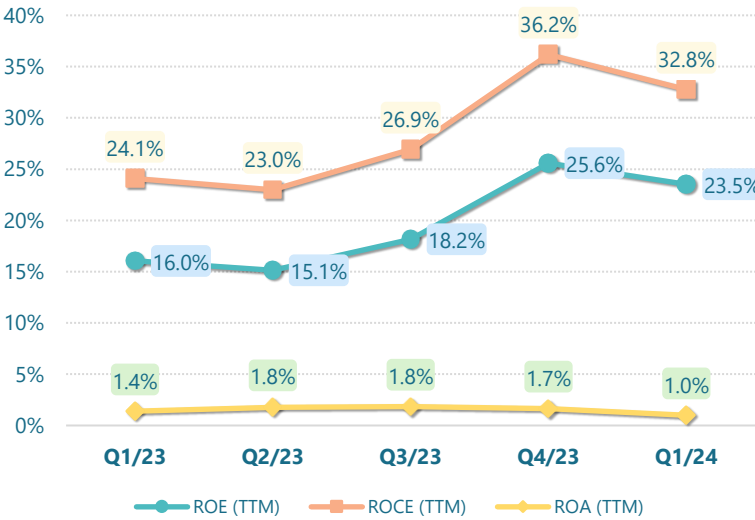
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



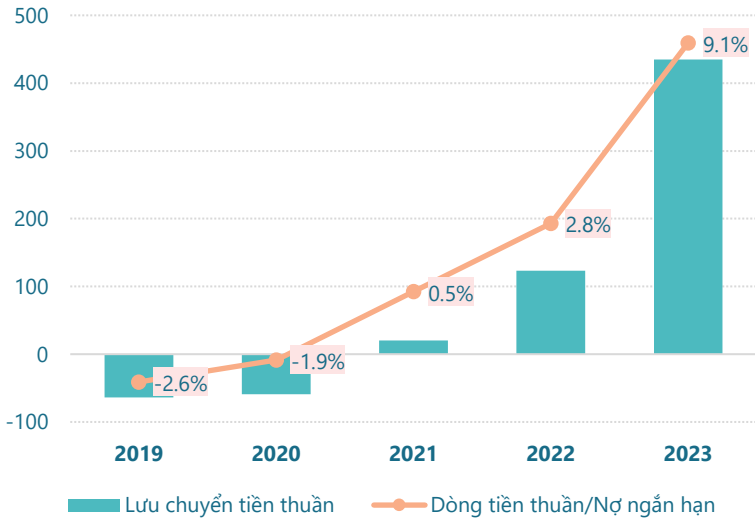
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



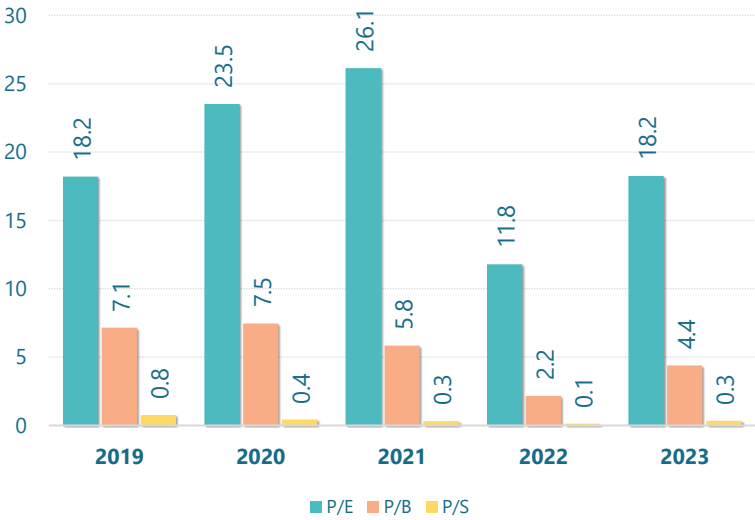
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)